

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2013

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN 1	MÃ SỐ 2	T. MINH 3	SỐ CUỐI KỲ 4	SỐ ĐẦU NĂM 5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100)=110+120+130+140+150	100		973,253,991,968	937,776,156,025
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		81,610,361,986	82,056,936,154
1. Tiền	111	V.01	65,610,361,986	66,056,936,154
2. Các khoản tương đương tiền	112		16,000,000,000	16,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	2,000,000,000	2,000,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129	V.03	(2,000,000,000)	(2,000,000,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		218,873,895,217	212,167,690,643
1. Phải thu khách hàng	131	V.04	142,999,262,846	144,167,818,432
2. Trả trước cho người bán	132	V.05	63,932,224,534	55,480,125,394
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.06	14,737,597,804	15,314,936,784
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(2,795,189,967)	(2,795,189,967)
IV. Hàng tồn kho	140		621,974,371,173	607,965,408,841
1. Hàng tồn kho	141	V.07	622,688,277,481	608,679,315,149
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(713,906,308)	(713,906,308)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		50,795,363,592	35,586,120,387
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,658,370,667	1,029,073,132
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		29,261,078,991	16,970,758,983
3- Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		15,888,810,357	15,885,376,357
4 - Tài sản ngắn hạn khác	158	V.08	3,987,103,577	1,700,911,915

TÀI SẢN	MÃ SỐ	T. MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		980,138,723,174	989,203,625,714
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5 - Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		638,428,773,833	646,911,654,430
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	548,114,896,591	559,759,054,208
- Nguyên giá	222		1,259,126,931,621	1,258,108,281,583
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(711,012,035,030)	(698,349,227,375)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	12,699,229,005	12,927,358,875
- Nguyên giá	225		13,626,400,555	13,626,400,555
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(927,171,550)	(699,041,680)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	60,585,450,741	60,914,992,456
- Nguyên giá	228		66,612,190,189	66,612,190,189
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(6,026,739,448)	(5,697,197,733)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	17,029,197,496	13,310,248,891
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	118,886,502,819	118,944,685,125
- Nguyên giá	241		121,280,625,580	121,280,625,580
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(2,394,122,761)	(2,335,940,455)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		137,942,852,358	137,942,852,358
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	34,567,513,900	34,567,513,900
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	113,046,152,000	113,046,152,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	5,352,050,000	5,352,050,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(15,022,863,542)	(15,022,863,542)
V. Tài sản dài hạn khác	260		84,880,594,164	85,404,433,801
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	79,850,659,925	80,374,499,562
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3,690,457,711	3,690,457,711
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	1,339,476,528	1,339,476,528
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1,953,392,715,142	1,926,979,781,739

NGUỒN VỐN 1	MÃ SỐ 2	T. MINH 3	SỐ CUỐI KỲ 4	SỐ ĐẦU NĂM 4
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 410 + 420)	300		1,338,042,380,338	1,333,556,497,160
I. Nợ ngắn hạn	310		992,064,602,584	988,517,939,226
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	762,427,288,795	667,595,694,671
2. Phải trả người bán	312	V.20	109,086,300,456	171,119,584,775
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	78,169,449,919	69,583,155,045
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.22	758,898,663	656,077,311
5. Phải trả người lao động	315		17,477,189,061	33,597,457,812
6. Chi phí phải trả	316	V.25	5,055,218,521	3,763,488,799
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	15,586,115,899	34,313,595,452
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.29	3,504,141,270	7,888,885,361
II. Nợ dài hạn	330		345,977,777,754	345,038,557,934
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.24	17,876,000,000	17,876,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	311,474,837,754	310,174,837,754
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		16,596,940,000	16,987,720,180
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		30,000,000	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		615,350,334,804	593,423,284,579
I. Vốn chủ sở hữu	410		615,350,334,804	593,423,284,579
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	447,374,860,000	447,374,860,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	45,032,400,000	45,032,400,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	V.27	(5,939,990,000)	(5,939,990,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.27	24,423,233,440	24,423,233,440
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.27	42,106,726,995	42,106,726,995
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.27	15,086,185,164	15,086,185,164
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	47,266,919,205	25,339,868,980
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1,953,392,715,142	1,926,979,781,739

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	T. MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
USD		2,901,209.26	2,947,638.66
YEN		103,332.00	103,695.00
GBP		0.04	0.04
EUR		256.44	259.17
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu



PHẠM THỊ THANH THỦY

Kế toán trưởng



NGUYỄN MINH HẢO

TP.HCM, Ngày 15 Tháng 04 năm 2013

Tổng Giám Đốc



KIM DONG JU

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ I NĂM 2013

Đơn vị tính: đồng.

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		540,113,305,774	532,729,284,404	540,113,305,774	532,729,284,404
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		1,303,767,164	1,026,609,823	1,303,767,164	1,026,609,823
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.01	538,809,538,610	531,702,674,581	538,809,538,610	531,702,674,581
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	471,857,569,363	503,362,860,918	471,857,569,363	503,362,860,918
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		66,951,969,247	28,339,813,663	66,951,969,247	28,339,813,663
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1,390,375,009	2,996,015,058	1,390,375,009	2,996,015,058
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	15,526,549,180	19,135,701,523	15,526,549,180	19,135,701,523
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12,057,131,285	15,672,502,835	12,057,131,285	15,672,502,835
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	12,189,627,157	10,361,392,853	12,189,627,157	10,361,392,853
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	19,795,632,533	18,487,888,024	19,795,632,533	18,487,888,024
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		20,830,535,386	(16,649,153,679)	20,830,535,386	(16,649,153,679)
11. Thu nhập khác	31	VI.07	1,096,874,880	1,425,618,329	1,096,874,880	1,425,618,329
12. Chi phí khác	32	VI.08	360,041	137,035,041	360,041	137,035,041
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1,096,514,839	1,288,583,288	1,096,514,839	1,288,583,288
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		21,927,050,225	(15,360,570,391)	21,927,050,225	(15,360,570,391)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		21,927,050,225	(15,360,570,391)	21,927,050,225	(15,360,570,391)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70				491	(344)

Người lập biểu

Kế Toán Trưởng

TP.HCM, ngày 15 tháng 04 năm 2013

Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ THANH THỦY

NGUYỄN MINH HẢO



KIM DONG JU

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01			
1. Lợi nhuận trước thuế			21,927,050,225	(15,360,570,391)
2. Điều chỉnh cho các khoản			26,899,796,795	22,605,491,113
- Khấu hao tài sản cố định	02		13,338,074,690	13,097,370,465
- Các khoản dự phòng	03		-	(4,300,000,000)
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1,800,000,000	-
- (Lãi), lỗ do từ hoạt động đầu tư	05		(295,409,180)	(1,864,382,187)
- Chi phí lãi vay	06		12,057,131,285	15,672,502,835
3. Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08		48,826,847,020	7,244,920,722
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(21,410,413,134)	(63,090,543,771)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(14,008,962,332)	110,382,916,824
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11		(67,828,395,655)	(22,084,351,815)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		(105,457,898)	(606,478,836)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(12,057,131,285)	(15,672,502,835)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		920,000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(4,385,664,091)	(6,222,030,205)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(70,968,257,375)	9,951,930,084
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các khoản đầu tư dài hạn khác	21		(4,797,011,787)	(15,796,269,165)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các khoản đầu tư dài hạn khác	22		10,809,091	1,064,209,090
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		408,862,979	914,457,984
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4,377,339,717)	(13,817,602,091)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		507,809,398,587	394,523,247,727
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(412,267,752,025)	(366,324,674,350)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1,210,052,438)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19,432,571,200)	(19,457,136,400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		74,899,022,924	8,741,436,977
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(446,574,168)	4,875,764,970
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		82,056,936,154	88,119,383,310
Ảnh hưởng của tỉ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ (70=50+60+61)	70		81,610,361,986	92,995,148,280

Người lập biểu

PHẠM THỊ THANH THỦY

Kế toán trưởng

NGUYỄN MINH HẢO

TP.HCM, Ngày 15 Tháng 04 năm 2013

Tổng Giám Đốc



KIM DONG JU

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
Sản xuất và mua bán các loại bông, xơ, sợi, vải, hàng may mặc, giày dép và máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm, bao bì ngành dệt may
Mua bán thiết bị lạnh, điều hòa không khí, máy thu thanh - thu hình, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải
Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc, thiết bị
Kinh doanh vận tải hàng hóa, đường bộ
Kinh doanh địa ốc, trung tâm thương mại,
Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, máy móc – thiết bị
Môi giới thương mại
Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa
Đầu tư, xây dựng, kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính riêng.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	7 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	7 – 15
Tài sản cố định khác	7 – 22

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.5.

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 15 đến 50 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất là đất thuê, công ty phân loại sang chi phí trả trước dài hạn theo công văn số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời gian hữu dụng ước tính từ 4 đến 10 năm.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong số năm phù hợp với từng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Lãi, lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là doanh thu và giá vốn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất tại các Khu công nghiệp Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh, Khu công nghiệp Xuyên Á – Tỉnh Long An, Khu công nghiệp Nhì Xuân – Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh và Khu công nghiệp Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh và các khoản trả trước dài hạn khác. Tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế khác, và thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh chính nằm trong khu công nghiệp. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo, căn cứ vào các văn bản sau:

- Khoản 1 điều 36 chương V nghị định 187/2004/NĐ-CP, ngày 16/11/2004 của Chính Phủ về chuyển công ty nhà nước thành Công ty Cổ Phần.
- Khoản 3 điều 36 chương V nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 về luật thuế TNDN
- Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thuế TNDN
- Điểm 5.1.2, 6.1.1 thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01/09/2004 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung thông tư 128/2003/TT-BTC
- Công văn số 11180/CT-TTHT, ngày 23/12/2011 của Cục thuế TPHCM
- Công văn số 2514/CT-TTHT, ngày 16/04/2012 của Cục thuế TPHCM

Năm tài chính 2006 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Việc đánh giá lại các khoản mục tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo VAS số 10 - *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hoái đoái*. Theo đó, toàn bộ chênh lệch tỷ giá từ việc đánh giá lại sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.800 VND/USD
31/03/2013 : 20.910 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	611,253,138	713,916,344
Tiền gửi ngân hàng	64,999,108,848	65,343,019,810
Các khoản tương đương tiền	16,000,000,000	16,000,000,000
Cộng	81,610,361,986	82,056,936,154

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)	2,000,000,000	2,000,000,000
Cộng	2,000,000,000	2,000,000,000

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)	2,000,000,000	2,000,000,000
Cộng	2,000,000,000	2,000,000,000

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các bên thứ ba	142,956,223,038	144,167,818,432
Các bên liên quan	43,039,808	
Cộng	142,999,262,846	144,167,818,432

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các bên thứ ba	63,932,224,534	55,480,125,394
Cộng	63,932,224,534	55,480,125,394

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các bên thứ ba	12,017,384,854	12,253,738,471
Các bên liên quan	2,720,212,950	3,061,198,313
Cộng	14,737,597,804	15,314,936,784

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	381,055,137	83,244,593,472
Nguyên liệu, vật liệu	256,680,195,120	178,363,728,475
Công cụ, dụng cụ	5,130,606	5,130,606
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	165,649,802,108	157,943,958,080
Thành phẩm	197,368,267,334	182,720,294,808
Hàng hóa	990,160,566	1,645,259,714
Hàng gửi đi bán	1,613,666,610	4,756,349,994
Cộng	622,688,277,481	608,679,315,149
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	<i>(713,906,308)</i>	<i>(713,906,308)</i>
Tổng cộng	621,974,371,173	607,965,408,841

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	3,470,196,977	1,231,205,315
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	516,906,600	469,706,600
Cộng	3,987,103,577	1,700,911,915

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản Mục	Nhà Cửa	Máy Móc Thiết Bị	Phương Tiện Vận Tải	Thiết Bị Dụng Cụ Quản Lý	TSCĐ Khác	Tổng Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	253,106,480,468	839,429,400,311	14,119,936,082	10,528,085,473	140,924,379,249	1,258,108,281,583
Mua trong kỳ		148,244,182	849,854,545	79,964,455		1,078,063,182
Thanh lý, nhượng bán khác				(59,413,144)		(59,413,144)
Số dư cuối kỳ	253,106,480,468	839,577,644,493	14,969,790,627	10,548,636,784	140,924,379,249	1,259,126,931,621
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	89,671,590,608	495,133,349,472	7,170,263,053	7,671,230,716	98,702,793,526	698,349,227,375
Khấu hao trong kỳ	1,349,237,700	9,265,276,483	290,889,204	157,507,054	1,659,310,358	12,722,220,799
Thanh lý, nhượng bán				(59,413,144)		(59,413,144)
Số dư cuối kỳ	91,020,828,308	504,398,625,955	7,461,152,257	7,769,324,626	100,362,103,884	711,012,035,030
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	163,434,889,860	344,296,050,839	6,949,673,029	2,856,854,757	42,221,585,723	559,759,054,208
Tại ngày cuối kỳ	162,085,652,160	335,179,018,538	7,508,638,370	2,779,312,158	40,562,275,365	548,114,896,591

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 407.190.427.822 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng**10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản Mục	Máy Móc Thiết Bị
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	13,626,400,555
Số dư cuối kỳ	<u>13,626,400,555</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	699,041,680
Khấu hao trong kỳ	228,129,870
Số dư cuối kỳ	<u>927,171,550</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	12,927,358,875
Tại ngày cuối kỳ	<u>12,699,229,005</u>

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản Mục	Quyền sử dụng đất	Bảng quyền, bảng sáng chê	Phần mềm máy vi tính	Tổng Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	59,847,723,787	1,658,858,567	5,105,607,835	66,612,190,189
Số dư cuối kỳ	<u>59,847,723,787</u>	<u>1,658,858,567</u>	<u>5,105,607,835</u>	<u>66,612,190,189</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3,956,721,967	958,070,017	782,405,749	5,697,197,733
Khấu hao trong kỳ	80,647,701	75,084,488	173,809,526	329,541,715
Số dư cuối kỳ	<u>4,037,369,668</u>	<u>1,033,154,505</u>	<u>956,215,275</u>	<u>6,026,739,448</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	55,891,001,820	700,788,550	4,323,202,086	60,914,992,456
Tại ngày cuối kỳ	<u>55,810,354,119</u>	<u>625,704,062</u>	<u>4,149,392,560</u>	<u>60,585,450,741</u>

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 204.865.777 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng**12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản Mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	11,620,896,678	109,659,728,902	121,280,625,580
Số dư cuối kỳ	11,620,896,678	109,659,728,902	121,280,625,580
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2,335,940,455	-	2,335,940,455
Khấu hao trong kỳ	58,182,306		58,182,306
Số dư cuối kỳ	2,394,122,761	-	2,394,122,761
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	9,284,956,223	109,659,728,902	118,944,685,125
Tại ngày cuối kỳ	9,226,773,917	109,659,728,902	118,886,502,819

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu năm	13,310,248,891	9,776,303,914
Tăng	3,718,948,605	24,037,891,222
Chuyển sang TSCĐ thuê tài chính		(13,626,400,555)
Chuyển sang TSCĐ hữu hình		(2,615,088,055)
Chuyển sang TSCĐ vô hình		(4,262,457,635)
Số dư cuối kỳ	17,029,197,496	13,310,248,891

14. Đầu tư vào công ty con

	Tại 31.03.2013		Tại 31.12.2012	
	Giá trị đầu tư	Tỉ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỉ lệ sở hữu
Công ty CP Trung tâm Y Khoa Thành Công	13,855,000,000	70.02%	13,855,000,000	70.02%
Công ty CP Thành Quang	20,712,513,900	97.50%	20,712,513,900	97.50%
Cộng	34,567,513,900		34,567,513,900	

15. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Tại 31.03.2013		Tại 31.12.2012	
	Giá trị đầu tư	Tỉ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỉ lệ sở hữu
Công ty CP Thành Chí	20,709,040,000	47.43%	20,709,040,000	47.43%
Công ty CP Thành Phúc	1,665,000,000	23.79%	1,665,000,000	23.79%
Công ty CP Du Lịch Gofl Vũng tàu	8,700,000,000	30.00%	8,700,000,000	30.00%
Công ty CP chứng khoán Thành Công	81,972,112,000	24.75%	81,972,112,000	24.75%
Cộng	113,046,152,000		113,046,152,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng**16. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Dệt Việt Thắng	125,000,000	125,000,000
Công ty CP Dệt May Thắng Lợi	1,576,000,000	1,576,000,000
Công ty CP Dệt May Huế	318,000,000	318,000,000
Công ty CP SY Vina	883,450,000	883,450,000
Ngân hàng CP Ngoại Thương VN	2,449,600,000	2,449,600,000
Cộng	5,352,050,000	5,352,050,000

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu năm	80,374,499,562	82,624,204,852
Tăng		
Phân bổ	(523,839,637)	(2,249,705,290)
Số dư cuối kỳ	79,850,659,925	80,374,499,562

18. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ tại Công ty cho thuê tài chính Kexim Việt Nam.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn các ngân hàng	694,691,667,004	573,338,920,128
- Far East Bank	29,776,946,026	30,061,719,584
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	342,312,990,323	242,221,153,824
- Ngân hàng Standard Chartered	144,925,334,487	98,376,666,336
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	98,104,692,536	80,653,244,672
- Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	79,571,703,632	75,315,806,384
- Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN.TPHCM		46,710,329,328
Vay dài hạn đến hạn trả	67,735,621,791	94,256,774,543
Cộng	762,427,288,795	667,595,694,671

Khoản vay ngắn hạn các Ngân hàng với lãi suất theo thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thanh, phường Tây Thanh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng**20. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các bên thứ ba	109,086,300,456	170,723,619,775
Các bên liên quan		395,965,000
Cộng	109,086,300,456	171,119,584,775

21. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các bên thứ ba	78,169,449,919	69,583,155,045
Các bên liên quan		
Cộng	78,169,449,919	69,583,155,045

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân	758,898,663	656,077,311
Cộng	758,898,663	656,077,311

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	45,539,494	40,956,724
Kinh phí công đoàn	744,276,389	50,326,581
Cổ tức chưa chi trả	11,899,919,400	31,332,490,600
Phải trả quỹ bảo trợ	127,739,850	127,739,850
Phải trả quỹ giữ hộ	2,470,070,049	2,542,498,969
Quỹ thu chi hộ BHXH	168,116,111	
Phải trả khác	130,454,606	219,582,728
Cộng	15,586,115,899	34,313,595,452

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng**24. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả giá trị quyền sử dụng đất đang sử dụng	17,876,000,000	17,876,000,000
Cộng	17,876,000,000	17,876,000,000

25. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí kiểm toán	97,125,000	116,550,000
Hoa hồng bán hàng	9,603,583	26,421,085
Chi phí thuê đất	1,258,483,857	
Chi phí phải trả khác	81,488,367	12,000,000
Chi phí lãi vay	3,608,517,714	3,608,517,714
Cộng	5,055,218,521	3,763,488,799

26. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	9,503,717,089	9,560,979,600
- Cty cho thuê tài chính TNHH một thành viên Kexim VN	5,637,513,440	5,637,513,440
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	10,428,864,382	10,374,001,871
- Ngân hàng Công thương Việt Nam - Sở Giao dịch II	134,734,400,000	134,202,000,000
- Công ty E-Land Asia Holding	146,370,000,000	145,600,000,000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	4,800,342,843	4,800,342,843
	311,474,837,754	310,174,837,754

Khoản vay dài hạn các ngân hàng để đầu tư xây dựng cơ bản và mua máy móc thiết bị. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng**27. Vốn chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	33,958,450,000	33,958,450,000
Vốn góp của E-Land Holdings Pte.LTD	193,370,900,000	193,370,900,000
Vốn góp của các cổ đông khác	220,045,510,000	220,045,510,000
Thặng dư vốn cổ phần	45,032,400,000	45,032,400,000
Cổ phiếu quỹ	(5,939,990,000)	(5,939,990,000)
Cộng	486,467,270,000	486,467,270,000

Danh sách các cổ đông chính được chốt bởi Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM (HOSE) tại ngày 07/03/2013

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	44,737,486	44,737,486
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	44,737,486	44,737,486
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	44,737,486	44,737,486
Số lượng cổ phiếu được mua lại	100,450	100,450
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100,450	100,450
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	44,637,036	44,637,036
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	44,637,036	44,637,036

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng*Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu:*

<u>Diễn giải</u>	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>Cộng</u>
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Số dư đầu năm trước	<u>447,374,860,000</u>	<u>45,032,400,000</u>	<u>(5,939,990,000)</u>	<u>7,611,529,549</u>	<u>30,898,924,401</u>	<u>9,482,283,867</u>	<u>160,362,008,550</u>	<u>694,822,016,367</u>
- Lợi nhuận năm trước							(22,829,014,197)	(22,829,014,197)
- Trích lập các quỹ trong năm trước				16,811,703,891	11,207,802,594	5,603,901,297	(44,831,210,376)	(11,207,802,594)
- Chia cổ tức năm trước							(66,955,554,000)	(66,955,554,000)
- Khác							(406,360,997)	(406,360,997)
Số dư cuối năm trước	<u>447,374,860,000</u>	<u>45,032,400,000</u>	<u>(5,939,990,000)</u>	<u>24,423,233,440</u>	<u>42,106,726,995</u>	<u>15,086,185,164</u>	<u>25,339,868,980</u>	<u>593,423,284,579</u>
Số dư đầu năm nay	<u>447,374,860,000</u>	<u>45,032,400,000</u>	<u>(5,939,990,000)</u>	<u>24,423,233,440</u>	<u>42,106,726,995</u>	<u>15,086,185,164</u>	<u>25,339,868,980</u>	<u>593,423,284,579</u>
- Lợi nhuận năm nay							21,927,050,225	21,927,050,225
Số dư cuối năm nay	<u>447,374,860,000</u>	<u>45,032,400,000</u>	<u>(5,939,990,000)</u>	<u>24,423,233,440</u>	<u>42,106,726,995</u>	<u>15,086,185,164</u>	<u>47,266,919,205</u>	<u>615,350,334,804</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khác được trích lập dùng để dự phòng cho việc tăng vốn điều lệ trong tương lai.

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21,927,050,225	(15,360,570,391)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	44,637,036	44,637,036
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	491	(344)

29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	3,597,702,036		(3,597,702,036)	
Quỹ phúc lợi	4,291,183,325	920,000	(787,962,055)	3,504,141,270
Cộng	7,888,885,361	920,000	(4,385,664,091)	3,504,141,270

30. Cổ tức phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	31,332,490,600	31,328,362,200
Số cổ tức công bố trong năm		66,955,554,000
Số cổ tức đã trả bằng tiền trong năm	(19,432,571,200)	(66,951,425,600)
Cộng	11,899,919,400	31,332,490,600

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	540,113,305,774	532,729,284,404
- Doanh thu xuất khẩu	482,661,782,691	472,251,631,884
- Doanh thu nội địa	46,755,973,090	47,262,227,598
- Phí gia công	6,278,577,620	6,114,067,741
- Doanh thu bất động sản		
- Doanh thu khác	4,416,972,373	7,101,357,181
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1,303,767,164)	(1,026,609,823)
- Giảm giá hàng bán	(101,374,772)	
- Hàng bán trả lại	(1,202,392,392)	(1,026,609,823)
Doanh thu thuần	538,809,538,610	531,702,674,581

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	337,306,280,893	376,521,503,696
Chi phí nhân công	57,513,587,378	58,751,322,489
Chi phí khấu hao	12,276,817,393	12,260,913,338
Chi phí sản xuất chung	60,917,779,911	54,534,211,805
Chi phí khác	3,843,103,788	1,294,909,590
Cộng	471,857,569,363	503,362,860,918

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	245,543,689	354,926,584
Cổ tức và lợi nhuận được chia	39,056,400	559,531,400
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,105,774,920	2,081,557,074
Cộng	1,390,375,009	2,996,015,058

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	12,057,131,285	15,672,502,835
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1,800,000,000	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,669,417,895	3,463,198,688
Cộng	15,526,549,180	19,135,701,523

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng**5. Chi phí bán hàng**

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí bán hàng:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3,641,467,611	2,887,674,537
Phí vận chuyển	2,282,470,541	2,155,042,771
Phí ngân hàng	1,434,317,706	1,674,410,992
Hoa hồng, chiết khấu	2,009,576,515	577,073,867

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	9,943,435,238	9,681,620,047
Chi phí thuê đất	404,597,532	404,597,532
Chi phí khấu hao tài sản cố định	758,388,110	645,918,644
Dự phòng trợ cấp mất việc	1,000,000,000	
Phí tiện ích	524,742,440	469,665,391

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	10,809,091	1,064,209,090
Thu khác	1,086,065,789	361,409,239
Cộng	1,096,874,880	1,425,618,329

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán		107,722,951
Chi phí khác	360,041	29,312,090
Cộng	360,041	137,035,041

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	343,244,625,497	249,296,029,850
Chi phí nhân công	75,526,615,712	66,076,957,904
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13,338,074,690	13,097,370,465
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76,138,675,015	80,239,621,890
Chi phí khác	17,611,348,227	15,632,837,110
Cộng	525,859,339,141	424,342,817,218

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

VII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, các quỹ, và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 31/03/2013 như sau:

	31/03/2013	31/12/2012
Các khoản vay	1,073,902,126,549	977,770,532,425
Trừ: tiền và các khoản tương đương tiền	81,610,361,986	82,056,936,154
Nợ thuần	992,291,764,563	895,713,596,271
Vốn chủ sở hữu	615,350,334,804	593,423,284,579
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1.61	1.51

Các chính sách kế toán chủ yếu:

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại thuyết minh IV.

Các loại công cụ tài chính:

	Giá trị ghi sổ	
	31/03/2013	31/12/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	81,610,361,986	82,056,936,154
Phải thu khách hàng và phải thu khác	154,941,670,683	156,687,565,249
Các khoản đầu tư	2,767,600,000	2,767,600,000
Các khoản ký quỹ	1,856,383,128	1,809,183,128
Tổng	241,176,015,797	243,321,284,531
Công nợ tài chính		
Các khoản nợ thuê tài chính	9,261,630,560	10,469,669,600
Các khoản vay	1,064,640,495,989	967,300,862,825
Phải trả người bán và phải trả khác	124,672,416,355	205,433,180,227
Chi phí phải trả	5,055,218,521	3,763,488,799
Tổng	1,203,629,761,425	1,186,967,201,451

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá cổ phiếu, và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ. Theo đó, công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ lập báo cáo tài chính như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/03/2013	31/12/2012	31/03/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la mỹ (USD)	1,035,842,361,028	1,002,206,589,072	198,795,588,659	199,600,264,448
Euro (EUR)	5,594,400	245,190,554	7,001,068	7,075,600
Yên Nhật (JPY)	2,403,200	2,403,200	24,832,745	24,919,982
Tổng cộng	1,035,850,358,628	1,002,454,182,826	198,827,422,472	199,632,260,030

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của đồng ngoại tệ USD so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ tăng/giảm 83.704.677.237 đồng tương ứng.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty trong kỳ sẽ giảm/tăng 5.323.202.480 đồng.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

Tại ngày 31/03/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	81,610,361,986		81,610,361,986
Phải thu khách hàng và phải thu khác	154,941,670,683		154,941,670,683
Các khoản đầu tư		2,767,600,000	2,767,600,000
Các khoản ký quỹ	516,906,600	1,339,476,528	1,856,383,128
Tổng cộng	237,068,939,269	4,107,076,528	241,176,015,797
Các khoản nợ thuê tài chính	3,624,117,120	5,637,513,440	9,261,630,560
Các khoản vay	758,803,171,675	305,837,324,314	1,064,640,495,989
Phải trả người bán và phải trả khác	124,672,416,355		124,672,416,355
Chi phí phải trả	5,055,218,521		5,055,218,521
Tổng cộng	892,154,923,671	311,474,837,754	1,203,629,761,425
Chênh lệch thanh khoản thuần	(655,085,984,402)	(307,367,761,226)	(962,453,745,628)
Tại ngày 31/12/2012	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	82,056,936,154		82,056,936,154
Phải thu khách hàng và phải thu khác	156,687,565,249		156,687,565,249
Các khoản đầu tư		2,767,600,000	2,767,600,000
Các khoản ký quỹ	469,706,600	1,339,476,528	1,809,183,128
Tổng cộng	239,214,208,003	4,107,076,528	243,321,284,531
Các khoản nợ thuê tài chính	4,832,156,160	5,637,513,440	10,469,669,600
Các khoản vay	662,763,538,511	304,537,324,314	967,300,862,825
Phải trả người bán và phải trả khác	205,433,180,227		205,433,180,227
Chi phí phải trả	3,763,488,799		3,763,488,799
Tổng cộng	876,792,363,697	310,174,837,754	1,186,967,201,451
Chênh lệch thanh khoản thuần	(637,578,155,694)	(306,067,761,226)	(943,645,916,920)

Bất chấp các chênh lệch thanh khoản hiện tại, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn dựa trên nguồn tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh và bằng việc duy trì tối thiểu một số các khoản tín dụng sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng**VIII. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****1. Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ như sau:****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty CP Trung Tâm Y Khoa Thành Công	146,614,682	81,017,184

Hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức công bố bởi Thành Chí		520,475,000

2. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan**Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Trung Tâm Y Khoa Thành Công	43,039,808	

Phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Thành Chí	2,602,375,000	2,602,375,000
E-Land Asia holdings Pte Ltd	117,837,950	458,823,313

Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
E-Land Asia holdings Pte Ltd	146,370,000,000	145,600,000,000

Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Trung Tâm Y Khoa Thành Công		395,965,000

Chi phí phải trả (tiền lãi vay)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
E-Land Asia holdings Pte Ltd	2,189,692,343	2,189,692,343

Phải trả khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
E-Land Asia holdings Pte Ltd	13,535,963,000	13,535,963,000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

IX. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn khu vực đại lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh bộ phận trong kỳ như sau:

Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam (trong nước) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (Xuất khẩu). Công ty không tiến hành lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán do không đủ cơ sở tiến hành chia tách.

	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012
Trong nước		
Doanh thu	50,737,593,493	54,988,460,386
Giá vốn	44,432,987,587	52,057,569,128
Lợi nhuận gộp	6,304,605,906	2,930,891,258
Xuất khẩu		
Doanh thu	488,071,945,117	476,714,214,195
Giá vốn	427,424,581,776	451,305,291,790
Lợi nhuận gộp	60,647,363,341	25,408,922,405

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung vào hoạt động sản xuất, thương mại ngành dệt may

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giải trình về lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý I năm 2013 tăng 242,75% so với cùng kỳ quý I năm 2012:

Tỷ lệ lợi nhuận gộp của công ty trong quý I năm 2013 đạt 12.4% cao hơn so với quý I năm 2012 5.3% do tỉ lệ giá vốn quý I năm 2013 (87.57%) thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (94.67%).

Lý do trong quý I năm 2013 công ty đã chủ động cân đối nguồn nguyên liệu đầu vào bằng cách kiểm soát rủi ro trong việc mua bông nguyên liệu giá cao, điều chỉnh tỷ lệ mua bông theo cách thức 30% số lượng mua trên thị trường giao sau và 70% số lượng mua trên thị trường giao ngay (tỷ lệ trước đây là: 80% thị trường giao sau và 20% thị trường giao ngay). Từ đó dẫn đến việc kinh doanh mặt hàng sợi trong quý I năm 2013 có lãi, trong khi đó quý I năm 2012 việc kinh doanh mặt hàng này công ty bị lỗ do ảnh hưởng bởi nguyên liệu bông giá cao như nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng**Khái quát thực trạng các chỉ tiêu tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2013**

Chỉ tiêu	đơn vị tính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	49.82	48.67
Tài sản dài hạn/ Tổng số tài sản	%	50.18	51.33
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	68.50	69.20
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	31.50	30.80
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0.98	0.95
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.08	0.08
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần	%	4.07	(1.08)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	4.07	(1.01)
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1.12	(1.26)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1.12	(1.18)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	3.56	(3.85)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Thủy

Nguyễn Minh Hào

**KIM DONG JU**